TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2020/DS-ST Ngày: 06 - 3 - 2020 V/v: "T/c HĐ mua bán tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Trịnh Xuân Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn S
Địa chỉ: ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn C
Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn Văn C có mua vật tư nông nghiệp (phân bón và thuốc trừ sâu) của nguyên đơn có giá trị là 4.300.000đ, đến ngày 10 tháng 9 năm 2018 bị đơn trả được 2.000.000đ, còn nợ lại 2.300.000đ.

Ngày 02 tháng 12 năm 2018, bị đơn tiếp tục mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn có giá trị là 9.663.000đ, đến ngày 18 tháng 4 năm 2019 bị đơn trả được 3.000.000đ, còn nợ lại 6.663.000đ.

Như vậy, sau hai lần mua vật tư nông nghiệp, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 8.963.000đ.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 8.963.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 02 tờ giấy A4 (bản sao không có công chứng, chứng thực) ghi nhận đối tượng mua bán, giá trị và số nợ còn lại sau hai lần mua bán vật tư nông nghiệp.

Tại văn bản ngày 17 tháng 01 năm 2020, bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2018, bị đơn có mua chịu phân thuốc của nguyên đơn để phục vụ canh tác lúa, tổng cộng số nợ bị đơn thiếu nguyên đơn là 11.130.000đ. Do mùa màng thất bát, không có khả năng trả nợ một lần cho nguyên đơn nên đến năm 2019 bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền là 3.000.000đ, hiện còn nợ 8.130.000đ.

Bị đơn có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết: Đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 8.130.000đ nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa trả số tiền là 3.000.000đ cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất về việc bị đơn có mua phân thuốc của nguyên đơn 02 lần để phục vụ canh tác lúa vụ hè thu và vụ đông xuân năm 2018. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn lại không thống nhất về tổng số nợ sau khi kết sổ; phía nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 8.963.000đ, trong khi phía bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 8.130.000đ.

[4] Xét ý kiến mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17 tháng 01 năm 2020, Tòa án đã công khai chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là danh sách, giá trị các loại vật tư nông nghiệp mà bị đơn đã mua của nguyên đơn; phía bị đơn cũng thống nhất với chứng cứ, tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp. Theo đó tổng số vật tư nông nghiệp bị đơn mua của nguyên đơn trong vụ hè thu (ngày 08 tháng 5 năm 2018) là 4.301.000đ, đã trả 2.001.000đ, còn nợ lại 2.300.000đ; tổng số vật tư nông nghiệp bị đơn mua của nguyên đơn trong vụ đông xuân (ngày 02 tháng 12 năm 2018) là 9.663.000đ, đã trả 3.000.000đ, còn nợ lại 6.663.000đ. Như vậy, đã có căn cứ chứng minh sau hai lần mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn, phía bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 2.300.000đ + 6.663.000đ = 8.963.000đ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ 8.963.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Phía bị đơn có yêu cầu được trả dần, mỗi vụ lúa trả số tiền là 3.000.000đ cho đến khi thanh toán xong nợ, nhưng yêu cầu này không được phía nguyên đơn chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 8.963.000đ.

[6] Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 144, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 433 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 8.963.000đ (tám triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải nộp 448.150đ (bốn trăm bốn mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng). Ông Nguyễn Văn S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002420 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hữu Thắng